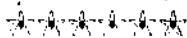


SỞ KHCNMT KIÊN GIANG

VIỆN LÚA ĐBSCL

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN GÒ QUAO KIÊN GIANG



BÁO CÁO TỔNG KẾT

Dự án

ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC KỸ
THUẬT CẢI THIỆN GIỐNG LÚA VÀ XÂY
DỤNG MỘT SỐ MÔ HÌNH ĐA DẠNG HOÁ
SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TẠI XÃ ĐỊNH AN-HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

Kiên giang, tháng 7/2001

UBND TỈNH KIÊN GIANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ KHCN-MT Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 24/CV-KHCN
V/v đề nghị Bộ KHCNMT
nghiệm thu dự án NT-MN

Kiên Giang, ngày 30 tháng 01 năm 2002

Kính gửi: - Bộ trưởng Bộ KHCNMT
 - Ban chỉ đạo chương trình NT-MN
 - Văn phòng chương trình NT-MN

Thực hiện chủ trương của Bộ KHCNMT về việc: Triển khai chương trình xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển kinh tế- xã hội nông thôn và miền núi theo tinh thần quyết định số 1075/QĐ-KH ngày 14/08/1997 của Bộ trưởng Bộ KHCNMT

Căn cứ vào công văn số 213/BKHCNMT-NTMN ngày 19/01/2001 của Bộ KHCN-MT về việc tổng kết, nghiệm thu các dự án NT-MN và công văn số 137/BKHCNMT-NTMN ngày 16/01/2002 của Bộ KHCN-MT về việc nghiệm thu cấp Nhà nước các dự án NT- MN.

Trên cơ sở biên bản họp Hội đồng KH-CN cấp Nhà nước, đánh giá kết quả bảo vệ thuyết minh dự án ngày 30/11/1998 và hợp đồng số 30/1998/HĐ-DANTMN ngày 15/12/1998 giữa Bộ KHCN-MT với Sở KHCN-MT tỉnh Kiên Giang: v/v đầu tư thực hiện dự án: *Ứng dụng tiến bộ khoa học cải thiện giống lúa và xây dựng một số mô hình đa dạng hoá SXNN xã Định an-huyện Gò Quao-Tỉnh Kiên Giang.*

Sau hơn 2 năm thực hiện dự án, Sở KHCN-MT đã ký hợp đồng với cơ quan chuyển giao (Viện lúa ĐB.SCL) chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, xây dựng các mô hình đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp tại xã Định An-Huyện Gò Quao theo các mục tiêu và nội dung của dự án đặt ra.

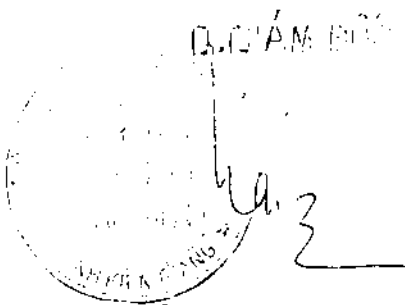
Đến nay dự án đã kết thúc, tỉnh đã nghiệm thu kết quả từng mô hình và tổ chức nghiệm thu trước Hội đồng khoa học tỉnh theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Khoa học tỉnh ngày 16/07/2001 (kết quả xếp loại B); đồng thời đã thanh quyết toán đầy đủ theo qui định của Bộ KHCN-MT và gửi các hồ sơ theo công văn số 213 ngày 19/01/2001 của Bộ KHCN-MT.

Để thanh lý hợp đồng với Bộ KH-CN-MT, Sở KH-CN-MT tỉnh Kiên Giang làm công văn đề nghị Bộ KH-CN-MT, Ban chỉ đạo chương trình nông thôn-miền núi, Văn Phòng Chương trình nông thôn-miền núi, cho nghiệm thu cấp Nhà nước dự án nêu trên để tỉnh có hướng chỉ đạo nhân rộng mô hình trên diện rộng,

SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ-MÔI TRƯỜNG *Đã*

Nơi nhận:

- Như trên
- TT.UBND tỉnh (để báo cáo)
- Lưu VP, QLKH



QUỐC TẠCH BAI

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

V/v thành lập Ban chỉ đạo quản lý dự án: “ứng dụng tiến bộ kỹ thuật cải thiện giống lúa và xây dựng một số mô hình đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp tại xã Định An, huyện Gò Quao”.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND (sửa đổi) ban hành ngày 05/7/1994;

- Căn cứ Quyết định số 2142/1998/QĐ-BKH-CNMT ngày 06/11/1998 của Bộ Khoa học công nghệ và môi trường, về việc thành lập Ban chỉ đạo chương trình: “xây dựng các mô hình hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998 - 2002;

- Xét tờ trình số 26/KHCN-MT ngày 09/8/1999 của Giám đốc Sở Khoa học công nghệ và môi trường,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay thành lập Ban chỉ đạo quản lý dự án: “ứng dụng tiến bộ kỹ thuật cải thiện giống lúa và xây dựng một số mô hình đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp tại xã Định An, huyện Gò Quao-Kiên Giang”, thuộc chương trình phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998 - 2002, gồm các công có tên sau đây:

- 01- Ông Hoàng Dương Quân, Giám đốc Sở KHCN-MT - Trưởng Ban.
- 02- Ông Nguyễn Hoàng Oanh, Phó Chủ tịch UBND huyện Gò Quao - Phó Ban.
- 03- Mời ông PGS-TS Bùi Bá Bổng, Viện trưởng Viện lúa ĐBSCL - ủy viên
- 04- Mời ông Nguyễn Xuân Lai, Giám đốc TT.chuyển giao TBKT-Viện lúa ĐBSCL - ủy viên.
- 05- Ông Nguyễn Văn Được, Trưởng Phòng QLKH - ủy viên
- 06- Ông Phù Khí Nguyên, Trưởng Phòng Nông nghiệp huyện Gò Quao - ủy viên.
- 07- Ông Tạ Phú, Giám đốc Ngân hàng huyện Gò Quao - ủy viên
- 08- Ông Trần Hùng Cường, Chủ tịch UBND xã Định An - ủy viên.

Điều 2. Ban chỉ đạo quản lý dự án “ứng dụng tiến bộ kỹ thuật cải thiện giống lúa và xây dựng một số mô hình đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp tại xã Định An, huyện Gò Quao” thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quyết định số 1075/QĐ-KH ngày 14/8/1997 của Bộ trưởng Bộ Khoa học công nghệ và môi trường về việc ban hành quy chế quản lý và chỉ đạo thực hiện chương trình xây dựng mô hình ứng dụng KH-CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi. Thường xuyên báo cáo về UBND tỉnh để chỉ đạo và điều hành quản lý dự án đạt hiệu quả.

Điều 3. Ông Chánh Văn phòng HĐND - UBND tỉnh, Trưởng Ban tổ chức chính quyền, Giám đốc Sở Khoa học công nghệ và môi trường, Thủ trưởng các ngành có liên quan và các ông, bà có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ KH-CN-MT,
- TT. UBND tỉnh,
- Như Điều 3 của QĐ,
- Đ/c Như Ý,
- Lưu VP.

(TU, BCT, UBND HAI ĐÀ)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Vĩnh Ái

QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
V/v: Thành lập hội đồng nghiệm thu dự án thuộc chương trình
nông thôn miền núi thực hiện tại tỉnh Kiên Giang

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC TỈNH KIÊN GIANG

- Căn cứ vào quyết định số 1271/QĐ-UB ngày 01/06/2000 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang, về việc: Kiện toàn Hội đồng Khoa học-Công nghệ và quyết định số 1030/QĐ-UB ngày 5/6/1997 của UBND tỉnh Kiên Giang, về việc Ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học- Công nghệ tỉnh Kiên Giang.

- Căn cứ vào công văn số 213/BKHCNMT-NN ngày 19/01/2001 của Bộ Khoa học, công nghệ và môi trường, v/v: Tổng kết, nghiệm thu dự án nông thôn-miền núi

- Theo đề nghị của cơ quan quản lý khoa học và Thường trực Hội đồng Khoa học- Công nghệ tỉnh Kiên Giang.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay thành lập Hội đồng (Hội đồng hợp tan) nghiệm thu dự án nông thôn-miền núi “ Ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật cải thiện giống lúa và xây dựng một số mô hình đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp tại xã Định An –huyện Gò Quao-tỉnh Kiên Giang”.

Điều 2. Thành phần Hội đồng gồm các ông, bà có tên sau đây:

- 1- Ông Trần Quang Cui- PGĐ.Sở NN-PTNT, chủ tịch Hội đồng
- 2- Ông : Lương Thanh Hải - Q.GĐ Sở KHCN-MT, phó chủ tịch hội đồng
- 3- Ông : Hoàng Dương Quân - Chủ tịch LH các Hội KHKT, PCT hội đồng
- 4- Ông : Đặng Công Huân - PGĐ Sở tài chính vật giá, thành viên
- 5- Ông : Quảng Trọng Thao - PGĐ Sở thủy sản, thành viên
- 6- Ông : Lâm Văn Huỳnh - GĐ Sở Công nghiệp, thành viên
- 7- Ông : Đặng Thanh Sơn - GĐ.TT Khuyến nông, thành viên
- 8- Ông : Nguyễn Văn Được - TP. Sở KHCNMT, thành viên thư ký

Ngoài ra Thường trực hội đồng KHCN mời thêm một số cơ quan, đơn vị tham gia thẩm định, đánh giá nghiệm thu kết quả dự án : Viện lúa ĐB.SCL, UBND huyện và phòng NN-PTNT huyện Gò Quao, xã Định an đồng thời trưng dụng một số cán bộ, chuyên viên của Sở KHCN-MT.

Điều 2 : Nhiệm vụ của Hội đồng :

- Tổ chức thẩm định, nghiệm thu và đánh giá kết quả dự án, kiến nghị nhân rộng những mô hình đạt hiệu quả cao vào sản xuất-đời sống xã hội trên địa bàn xã Định An và huyện Gò Quao.

- **Kinh phí tổ chức nghiệm thu dự án:** Chi trong kinh phí dự án được duyệt theo qui định hiện hành của nhà nước

(Hội đồng hết trách nhiệm khi nghiệm thu dự án xong).

Điều 3: Thường trực Hội đồng Khoa học-công nghệ , các ông bà có tên ở điều 2 và chủ nhiệm dự án chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *Phạm Long*

Nơi nhận:

- TT.UBND tỉnh (để báo cáo)
- Lưu thư ký HĐ. VP.SỞ KHCNMT

TM. HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
CHỦ TỊCH

Phạm Long
PHẠM LONG

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC-CÔNG NGHỆ*Nghiệm thu kết quả dự án nông thôn-miền núi*

1-Tên dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ cải thiện giống lúa và xây dựng một số mô hình đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp tại Xã Định An-Huyện Gò Quao-Tỉnh Kiên Giang”

2- Quyết định thành lập Hội đồng khoa học cấp tỉnh số 15/QĐ-HĐKH ngày 16/07/2001 của Chủ tịch Hội đồng khoa học tỉnh Kiên Giang.

3- Hội đồng họp ngày : 23/07/2001

Tại địa điểm : VP. Sở KHCN-MT (320-Ngô-Quyên-Rạch Giá)

4- Hội đồng gồm 8 thành viên (danh sách kèm theo quyết định)

a- Số thành viên có mặt tham gia nghiệm thu dự án, gồm

TT	Họ và tên	Chức vụ-CQ công tác	Chức vụ trong Hội đồng
1	Ông: Trần Quang Cui	PGĐ.Sở NN-PTNT	Chủ tịch HĐ chuyên đề
2	Ông: Hoàng Dương Quân	CT.LH các Hội KHKT	PC-T-Hội đồng
3	Ông Lương Thanh Hải	Q.GĐ-Sở KHCN-MT	PCT-Hội đồng
4	Ông Lâm Văn Huỳnh	GĐ.Sở Công nghiệp	Ủy viên
5	Ông Đặng Thanh Sơn	GĐ.Trung tâm khuyến nông	Ủy viên
6	Ông: Phùng Phương Quang	Phó phòng NS-Sở Tài chính	Ủy viên dự thay
7	Ông: Dương Xuân Trung	Phó phòng .Sở Thủy sản	Ủy viên dự thay
8	Ông: Nguyễn Văn Được	TP.QLKH. Sở KHCNMT	Ủy viên thư ký

b- Số thành viên vắng mặt : không

5- Khách mời tham dự:

a- Đại diện cơ quan quản lý:

1	Ông: Phùng Văn Thành	PGĐ-Sở KHCN-MT
2	Phan Thị Hoa Trân	CV.VPUBND tỉnh

b- Đại diện cơ quan, đơn vị địa bàn triển khai dự án:

1	Phù Khí Nguyễn	Trưởng phòng NN-PTNT	Huyện Gò Quao
2	Danh Danh	Phó chủ tịch UBND	Xã Định An
3	Huỳnh Văn Sinh	Phó bí thư	Xã Định An
4	Danh Tích	Trưởng ấp An Hòa	Xã Định An

c- Đại diện cơ quan tham gia thực hiện dự án:

GS-TS Nguyễn Văn Luật

Nguyên Viện trưởng

Viện lúa ĐB.SCL

6- Người và cơ quan trình bày báo cáo:

- Phan Phước Hiền

Học vị : Tiến sỹ , Chức vụ : Điều phối viên dự án

Cơ quan công tác : TT chuyển giao tiến bộ KTN- Viện lúa ĐB.SCL

7- Kết quả bỏ phiếu đánh giá:

- Số phiếu phát ra/thu về	: 9/9
- Số phiếu hợp lệ	: 9
- Tổng số điểm	: 378
- Điểm bình quân	: 42
- Xếp loại	: Khá (42/50)

8- Kết luận của Hội đồng:

a- Về kết quả bỏ phiếu : dự án đạt loại khá

b- Về các kết luận cụ thể:

1- Quá trình triển khai đã tiến hành điều tra đánh giá hiện trạng tự nhiên, kinh tế-xã hội vùng dự án trước và sau khi thực hiện dự án một cách khoa học và tin cậy

2- Hoàn thành được mục tiêu, nội dung của dự án đặt ra là ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cải thiện giống lúa và xây dựng mô hình đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp nhằm làm tăng năng suất, cải thiện chất lượng và tăng hiệu quả sản xuất để đảm bảo làm tăng thu nhập và cải thiện chất lượng đời sống nông dân vùng dự án.

3- Hiệu quả dự án: xây dựng được nhiều mô hình sản xuất nhất là sản xuất lúa hàng hóa, lúa giống, VAC. Hình thành các tổ quản lý sản xuất có trình độ tiếp thu KH-CN để nhân ra như tổ VAC, tổ thủy lợi, tổ nhân giống lúa, nâng cao trình độ sản xuất, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, phát triển sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa, sản xuất gắn với bảo vệ môi trường như túi ủ bioga, ủ rơm bằng chế phẩm vi sinh, ...

4- Dự án đã chuyển giao tốt tiến bộ kỹ thuật đến hộ dân, xây dựng được những cán bộ khuyến nông, hộ nông dân sản xuất giỏi là nhân tố tích cực để nhân rộng mô hình.

5- Chuyển đổi được tập quán sản xuất, nâng cao được trình độ khoa học ở vùng đồng bào dân tộc Khơmer, tạo ra nhu cầu cần thiết hợp tác, liên kết trong sản xuất nông nghiệp.

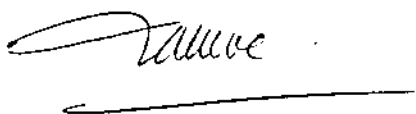
c- Kiến nghị :

- Đề nghị đánh giá bổ sung hiệu quả từng mô hình trong dự án để làm rõ hiệu quả từng mô hình một cách đầy đủ và chính xác hơn .

- Trên cơ sở kết quả bước đầu của dự án đề nghị cơ quan chuyển giao hỗ trợ các ngành hữu quan và chính quyền địa phương, tiếp tục chỉ đạo các mô hình đang thực hiện và có kế hoạch nhân rộng các mô hình đã có hiệu quả .

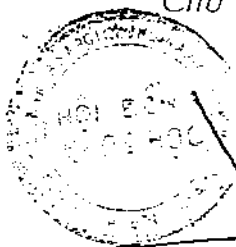
- Sau khi đơn vị chuyển giao bổ sung hoàn chỉnh báo cáo dự án theo ý kiến đóng góp của Hội đồng KH-CN cấp tỉnh, đề nghị Hội đồng KHCN Nhà nước nghiệm thu dự án

THỦ KÝ HỘI ĐỒNG KHOA HỌC



Nguyễn Văn Được

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Trần Quang Cui

Báo cáo dự án

*Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cải thiện giống lúa
và xây dựng một số mô hình đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp
tại xã Định An-huyện Gò Quao-Tỉnh Kiên Giang (8/1999-7/2001)*

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH DỰ ÁN.

- Từ năm 1996 được sự thống nhất chỉ đạo của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, tỉnh uỷ và UBND tỉnh Kiên Giang, Viện lúa ĐBSCL đã phối hợp với Sở KH, CN và MT tỉnh Kiên Giang, UBND và Phòng NN và PTNT huyện Gò Quao và một số ngành chức năng liên quan tỉnh Kiên Giang tiến hành khảo sát hiện trạng tự nhiên và KTXH xã Định An - nơi được chọn thực hiện dự án. Qua các đợt khảo sát đó đã xác định được thế mạnh và các nguyên nhân hạn chế phát triển sản xuất và đời sống của nông dân để làm cơ sở xây dựng dự án : "Xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phát triển sản xuất nông nghiệp góp phần nâng cao đời sống vùng đồng bào dân tộc Khmer xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang". Bản dự thảo dự án này đã được Viện Lúa ĐBSCL, Sở KH, CN và MT, Huyện uỷ và UBND huyện Gò Quao, Đảng uỷ và UBND xã Định An tổ chức thảo luận và thông qua nhiều lần ở cơ sở với sự tham gia của các ngành liên quan tỉnh huyện, bà con nông dân và đã được UBND tỉnh nhất trí đề nghị Bộ KH, CN và MT xét duyệt cho dự án được triển khai.

- Trong thời gian chờ đợi sự xét duyệt của các cơ quan trung ương, từ năm 1996- 1998, Viện lúa ĐBSCL đã phối hợp với một số ngành liên quan địa phương tiến hành tổ chức triển khai xây dựng bước đầu một số mô hình sản xuất lúa cao sản ngắn ngày phù hợp với điều kiện thực tế ngập lũ của vùng dự án, đồng thời các mô hình sử dụng phân bón có hiệu quả ở vùng phèn mặn, mô hình trồng rau xanh sạch bằng các biện pháp phòng trừ sinh học cũng đã được tiến hành bước đầu đạt kết quả tốt. Kết quả các nội dung này đã có báo cáo với Bộ KH, CN và MT vào đầu năm 1998.

- Trong quý III/1998 theo chỉ đạo Bộ KH, CN và MT nội dung dự án đã được cập nhật số liệu và tu chỉnh văn bản. Đến cuối tháng 12/1998 dự án đã được bảo vệ thành công trước Hội đồng KH và CN cấp Nhà nước tại Hà Nội. Trong quý I/1999, nội dung dự án và bảng dự toán kinh phí đã được Bộ tài chính thẩm định chính thức. Bộ KH, CN và MT đã ra quyết định phê chuẩn dự án : " *Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cải thiện giống lúa và xây dựng một số mô hình đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp tại xã Định An-huyện Gò Quao-Tỉnh Kiên Giang*" và tiến hành các thủ tục cho dự án triển khai.

2. TÓM TẮT NỘI DUNG VÀ MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN:

2.1: Mục tiêu chung:

Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ khắc phục từng bước các điểm yếu cơ bản trong sản xuất nông nghiệp và đời sống nông thôn trên cơ sở tận dụng tiềm năng đất đai lao động tại chỗ, từng bước xây dựng mô hình hệ thống nông nghiệp đa dạng, bền vững. Trong đó trọng tâm là phát triển sản xuất lúa và kinh tế VAC với năng suất và chất lượng cao *tiến đến hình thành các tổ chức*

quản lý đảm bảo tiếp thu công nghệ cho sản xuất nông nghiệp, song song xây dựng một số mô hình nước sạch, vệ sinh môi trường góp phần cải thiện và nâng cao đời sống cho người nông dân.

2.2- Các mục tiêu cụ thể:

+ Tăng hiệu quả kinh tế của sản xuất lúa phân đầu tăng 5-7% năng suất, giảm 5-10% chi phí sản xuất và hao hụt, góp phần nâng cao 15-20% thu nhập cho nông hộ, trước hết là ở các hộ mô hình bằng cách đưa vào các giống lúa có năng suất cao, kháng sâu bệnh, nhu cầu phân bón thấp, lờ sẩy lúa cho vụ hè thu, ... + Xây dựng mô hình hệ thống sinh thái VAC ở qui mô nông hộ và cụm nông hộ, trên cơ sở cải tạo vườn tạp, trồng các cây ăn trái thích hợp với điều kiện địa phương (xoài, nhãn, ổi, ...) , phát triển vườn rau sạch, cây thuốc nam tự túc, thả cá, chăn nuôi gia súc gia cầm. Phân đầu xây dựng được các hộ mô hình (độ 5-10 hộ) làm VAC có thu nhập từ 7-10 triệu/năm trở lên.

+ Xây dựng 1 số mô hình khắc phục hiện trạng xấu về vệ sinh và môi trường ở vùng nông thôn, xử lý các nguồn chất thải từ sản xuất và sinh hoạt tạo ra một số sản phẩm phân bón cho SXNN, tạo nguồn nước sạch và bảo vệ môi trường

+ Huấn luyện, đào tạo xây dựng đội ngũ kỹ thuật gồm cán bộ khuyến nông và nông dân sản xuất giỏi kể cả huấn luyện sử dụng máy công cụ nông nghiệp. Kết hợp đào tạo với khuyến nông và thông tin đại chúng.

2.3-Thời gian thực hiện : 1999-2000, có khả năng đến sau năm 2000 do đến cuối quý III/1999 Bộ Tài chính mới cấp kinh phí hoạt động .

2.4- Kinh phí : Tổng số kinh phí để thực hiện dự án : 2.430 triệu đồng

Trong đó: - Từ ngân sách sự nghiệp khoa học : 500 triệu

- Từ các nguồn vốn khác : 1.930 triệu

3- KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC (từ tháng 8/1998 đến tháng 6/2000)

3.1- Tổ chức quản lý và điều hành dự án:

a/- Tổ chức thảo luận quán triệt mục tiêu, nội dung và giải pháp tổ chức triển khai dự án. Trên cơ sở các mục tiêu và nội dung dự án đã được Hội đồng Khoa học Nhà nước duyệt, Trung tâm CGTBKTNN thuộc Viện lúa ĐB.SCL cùng với Sở KH-CN-MT tỉnh tổ chức các cuộc hội nghị thảo luận với huyện ủy, UBND huyện, xã và các ngành liên quan nhằm thống nhất và cụ thể hoá các nội dung và phương pháp tổ chức thực hiện.

b/- Hình thành bộ máy quản lý, giám sát và tổ chức thực hiện :

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện dự án UBND tỉnh Kiên Giang ra quyết định. Ban chỉ đạo có 8 thành viên do Giám đốc Sở KH-CN-MT tỉnh làm trưởng ban, các thành viên còn lại là đại diện đơn vị chuyển giao kỹ thuật và các ngành liên quan.

- Nhằm triển khai kịp thời và hiệu quả các nội dung dự án, một lực lượng cán bộ tổ chức chỉ đạo thực hiện đã được hình thành.

- Trung tâm CGTBKTNN là đơn vị trực tiếp chịu trách tổ chức triển khai thực hiện dự án đã phân công một nhóm cán bộ chuyên trách trong đó cử cán bộ khoa học làm nhiệm vụ điều phối viên chịu trách nhiệm điều hành thực hiện các nội dung dự án theo tiến độ và phương thức đã bàn thống nhất với địa phương và các ngành liên quan. Xây dựng bảng nội dung và tiến độ sản phẩm cụ thể của toàn bộ dự án từ tháng 5/1999 đến tháng 6/2001. Qua đó kế hoạch kinh phí và phân công phân cấp quản lý cũng đã được các bên liên quan thống nhất. Trên cơ sở đó đã thống nhất các

phương thức tổ chức thực hiện giữa các đơn vị liên quan và lực lượng nông dân thực hiện mô hình.

+ Sở KH-CN-MT cũng đã phân công một số cán bộ trực tiếp chỉ đạo và giám sát quá trình tổ chức triển khai tại địa phương. Ở cấp huyện, xã và ấp chọn lực 1 số cán bộ có năng lực (3-5) ở phòng NN-PTNT huyện và UBND xã để phối hợp tổ chức kiểm tra đôn đốc theo dõi thực hiện...

Hình thành một bước các tổ chức hợp tác trong các hộ nông dân trực tiếp thực hiện các mô hình, gồm các tổ sản xuất theo ngành nghề gồm có:

+ 5 tổ sản lúa giống và lúa hàng hóa gồm có 51 hộ trong đó chọn 5 hộ để thực hiện mô hình sản xuất lúa giống cấp xác nhận.

+ 5 tổ sản xuất VAC với 30 hộ trong đó chọn ra 5 hộ thực hiện mô hình VAC toàn diện.

+ 3 tổ thủy lợi nội đồng gồm 9 hộ để quản lý ba trạm bơm công suất 12 CV.

+ 1 tổ sản xuất để quản lý lò sấy lúa từ vụ Hè thu 2001 và một số tổ quản lý khác để trực tiếp thực hiện các mô hình sản xuất khác.

c/. Xây dựng bảng nội dung và tiến độ sản phẩm cụ thể của toàn bộ dự án từ tháng 5/1999 đến tháng 6/2001, song song xây dựng kế hoạch kinh phí và phân công phân cấp quản lý cũng đã được các bên liên quan thống nhất. Từ cơ sở đó, thống nhất phương thức tổ chức thực hiện, xác định trách nhiệm và mối quan hệ giữa các đơn vị liên quan với các hộ nông dân thực hiện mô hình.

d/. Tổ chức hội nghị, hội thảo.

- Đã tổ chức hội nghị triển khai ngày 27 tháng 9 năm 1999 tại Chùa Cũ, ấp An hòa, xã Định an có 30 đại biểu các ban ngành tỉnh, huyện, xã, ấp và 119 hộ nông dân tham dự. Trước đó đã tổ chức 3 cuộc hội thảo để thảo luận thống nhất kế hoạch và biện pháp tổ chức thực hiện và chuẩn bị tổ chức triển khai dự án giữa Viện lúa ĐBSCL, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Kiên Giang, Huyện ủy, UBND huyện, UBND xã và một số các ngành có liên quan từ Cần thơ và Kiên Giang.

- Đã họp bàn thống nhất phương thức đầu tư cho nông dân với Ngân hàng NN & PTNT huyện Gò quao. Lập hợp đồng cụ thể bao gồm các nội dung và phương thức thực hiện mô hình cụ thể với 90 hộ nông dân.

- Sau 8 tháng thực hiện, Ban quản lý dự án đã tổ chức hội nghị sơ kết giai đoạn I vào ngày 23/4/2000 với trên 100 đại biểu TW, địa phương và bà con nông dân tham dự. Một số mô hình sản xuất có hiệu quả đã được đại truyền hình Việt nam và nhiều cơ quan thông tin đại chúng ghi nhận và thông tin rộng rãi. Hội đồng kiểm tra của tỉnh Kiên Giang đã có đánh giá tốt về các kết quả mà dự án đã đạt được trong giai đoạn I. Trên cơ sở đó, mục tiêu, nội dung còn lại của dự án đã được xác định cùng với các giải pháp tổ chức thực hiện hợp lý hơn trong gian đoạn II. Bộ KH-CN-MT đã duyệt xét và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho giai đoạn II dự án được tiếp tục thực hiện.

3.2. Khảo sát lại hiện trạng và tình hình phát triển KTXH vùng dự án.

Vào đầu tháng 9/1999, đã tổ chức đoàn CB chuyên môn khảo sát lại tình hình KTXH toàn xã Định an trong đó tập trung ấp An hòa là vùng trọng điểm dự án. 100 hộ nông dân đã được chọn ngẫu nhiên để thu thập số liệu làm cơ sở đánh giá cho toàn vùng.

Sau 22 tháng thực hiện dự án (từ tháng 8 năm 1999 đến tháng 6 năm 2001), vào đầu tháng 6 (4-5/6) năm 2001, một đợt khảo đánh giá tình hình KTXH vùng dự

án đã được thực hiện. Mục đích của đợt khảo này là để đánh giá tình hình phát triển sản xuất và đời sống vùng dự án sau gần hai năm thực hiện dự án. Các số liệu đã được tổng hợp, xử lý và phân tích bằng phần mềm thống kê SPSS do Viện Lúa Quốc tế IRRI chuyển giao. Các kết quả phân tích hiện trạng và tình hình phát triển KTXH của xã Định an và vùng dự án đã được tổng kết và đánh giá. Đây là một trong những cơ sở để điều hành thực hiện dự án phù hợp với thực tế vừa để đánh giá kết quả sau khi dự án kết thúc. Kết quả phân tích cụ thể (xem phần phụ lục) sẽ được trình bày trong một báo cáo riêng. Các kết quả khảo sát này cho thấy tình hình sản xuất và đời sống của nông dân trong vùng dự án sau hai năm thực hiện đã có những chuyển biến rất tích cực.

3.3. Đào tạo tập huấn. Đã tổ chức 15 lớp tập huấn và hội thảo đầu bờ gồm 1104 học viên gồm:

- + Lớp VAC và kỹ thuật trồng cây ăn quả 120 nông dân và CBKT.
- + Lớp kỹ thuật chăn nuôi heo và vịt xiêm lai Pháp 119 nông dân và CBKT.
- + Lớp kỹ thuật canh tác lúa giống và lúa hàng hóa 121 học viên.
- + Lớp kỹ thuật trồng và sử dụng rau lành với 98 học viên.
- + Lớp kỹ thuật trồng và sử dụng cây thuốc nam dân dã 94 học viên.
- + Lớp tập huấn quy trình kỹ thuật sản xuất giống lúa cấp xác nhận 45 học viên.
- + Huấn luyện trực tiếp trên ruộng cho 7 nông dân khâu làm đất và xuống giống để sản xuất giống lúa cấp xác nhận cho hai mô hình:
- + Nuôi cá trên ruộng lúa cho 73 CBKT và nông dân.
- + Quy trình thâm canh tổng hợp lúa 72 học viên.
- + Kỹ thuật bón phân hợp lý 71 học viên.
- + Tổ chức chuyển giao kỹ thuật sử dụng các công cơ khí nông nghiệp cho 35 cán bộ kỹ thuật và nông dân chuẩn bị cho xây dựng mô hình cơ khí hóa nông nghiệp trong năm 2000.
- + Kỹ thuật nuôi tôm càng xanh cho 124 CBKT và nông dân toàn huyện.
- + Chuyển giao quy trình kỹ thuật nhân giống tôm càng xanh cho 6 CBKT và Nông dân sản xuất giỏi của Phòng NN & PTNT, Xã Định an và Thị trấn Gò quao. Trong đó đã có một nông dân xây dựng được một trại nhân giống tôm càng xanh quy mô 100.000 con giống/tháng.
- + Tổ chức triển khai hai điểm thí nghiệm và một điểm trình diễn hiệu lực các loại phân bón vô cơ và hữu cơ vi sinh trên lúa vụ Đông xuân của một số Nhà máy mới sản xuất nhằm mục đích tập huấn cho cán bộ và nông dân quen dần và nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật tiến bộ để xây dựng mô hình sử dụng phân bón hợp lý và hiệu quả.
- + Một cuộc hội thảo đầu bờ nhằm đánh giá các mô hình sản xuất lúa giống cấp xác nhận và hiệu quả sử dụng phân phức hợp hữu cơ vi sinh với sự tham gia của trên 30 cán bộ khoa học của Viện lúa ĐBSCL, Sở KH, CN và MT, ngành NN và PTNT tỉnh Kiên Giang và huyện Gò quao, xã Định an với hàng trăm nông dân tham dự.

Bảng 1. Bảng thống kê các lớp tập huấn trong khuôn khổ dự án Gò quao.

STT	Nội dung lớp học	Số học viên
1	Lớp VAC và kỹ thuật trồng cây ăn quả	120
2	KT chăn nuôi heo và vịt xiêm lai Pháp	119
3	KT canh tác lúa giống và lúa hàng hóa	121

4	Kỹ thuật trồng và sử dụng rau lành	98
5	KT trồng và sử dụng cây thuốc nam dân dã	94
6	QTKT SX giống lúa cấp xác nhận	45
7	Huấn luyện trên ruộng cho ND khâu làm đất và xuống giống lúa cấp xác nhận	7
8	Nuôi cá trên ruộng lúa	73
9	Quy trình thâm canh tổng hợp lúa	72
10	Kỹ thuật bón phân hợp lý	71
11	Chuyển giao KT sử dụng các công cụ CKNN	35
12	Quy trình kỹ thuật nuôi tôm càng xanh	124 (toàn huyện)
13	Chuyển giao QTKT nhân giống tôm càng xanh	8
14	Hội thảo đầu bờ sử dụng phân bón hợp lý	50
15	Hội thảo đầu bờ SX giống cấp xác nhận và hiệu quả sử dụng phân phức hợp hữu cơ vi sinh	67
	Tổng cộng 15 lớp tập huấn chuyển giao KT	1104 học viên

Các giáo viên và chuyên gia là các cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ đại học và trên đại học của ngành nông nghiệp tỉnh, huyện, Viện Lúa ĐBSCL, trường đại học Cần Thơ và một số đơn vị Viện trường khác, hầu hết đều có trình độ nghiên cứu sâu và nhiều năm kinh nghiệm trong nghề nên công tác chuyển giao các kiến thức vừa sâu sắc lại vừa rất thực tế đã thu hút và tạo lòng tin cho nông dân.

Do vậy, sau các lớp tập huấn trên hầu hết bà con nông dân trong vùng dự án đã nắm bắt được các quy trình kỹ thuật và thực hiện tốt các mô hình. Đặc biệt là các mô hình sản xuất lúa giống cấp xác nhận, mô hình các trạm bơm thủy lợi nội đồng, mô hình VACR. Từ đó đã xuất hiện nhiều điển hình nông dân sản xuất giỏi làm ăn có hiệu quả, trong đó có hàng chục hộ tăng thu nhập lên 2-3 lần so với trước khi thực hiện dự án, như hộ của Anh Nguyễn Văn Đường, Chú Lê Minh, Hộ anh Lục Ngưng, hộ anh Danh Hùng, Danh Nhíp... Trong đó hộ Anh Nguyễn Văn Đường mỗi năm hiện nay thu nhập từ mô hình VACR lên đến trên 50 triệu đồng/năm, hộ anh Lục Ngưng trên 30 triệu đồng, hộ Chú Lê Minh trên 30 triệu đồng/năm,... Đối với các hộ làm mô hình Trạm bơm thủy lợi nội đồng, chỉ cần sau 1-2 vụ đã hoàn được từ 95-100% vốn cố định do dự án đầu tư ban đầu và đã có một trạm bơm có khả năng sử dụng trong nhiều năm tới sẽ có nguồn thu nhập cao hơn nhiều lần hiện nay. Hiệu quả thực hiện dự án không chỉ là những kết quả trước mắt mà còn là những tác động lâu dài, đó chính là các nguồn vốn kiến thức khoa học kỹ thuật mà họ được trang bị chắc chắn sẽ được phát huy nhiều lần trong thời gian sắp tới.

3.4. Kết quả xây dựng các mô hình.

3.4.1. mô hình sản xuất lúa hàng hóa:

Để xây dựng mô hình sản xuất lúa hàng hóa có hiệu quả, ngay từ hội nghị triển khai dự án, 51 hộ nông dân thực hiện mô hình sản xuất lúa đã được chuyển giao 11.101kg lúa giống mới gồm: CM 64, OMCS99, OMCS2001,... Các hộ nông dân đã sử dụng các giống lúa mới để xuống giống cho trên 55 ha vụ Đông xuân 1999-2000. Các giống lúa mới hầu hết đều phát triển tốt. Riêng một số hộ do bảo quản lúa giống và ngâm ủ giống chưa hoàn toàn đúng theo kỹ thuật, mới hoặc xuống giống trễ thời vụ nên độ nảy mầm chưa cao hoặc bị sâu bệnh tác hại (chỉ đối với giống CM64). Các cán bộ kỹ thuật của dự án đã kịp thời theo dõi chỉ đạo uốn nắn các sai sót trong kỹ thuật canh tác cũng như tìm nguyên nhân về độ nảy mầm, độ đồng đều hoặc một số ruộng bị nhiễm bệnh cháy lá của giống CM 64. Kết luận bước đầu trong cuộc hội thảo đầu bờ ngày 7/3/2000 cho thấy nguyên nhân chủ yếu là do bà

con xuống giống chậm vào cuối tháng 12/2000 hoặc chưa tuân thủ nghiêm các chế độ bón phân hợp lý. Tuy nhiên đối với một số hộ mặc dù do nguyên nhân sai sót chủ quan đã bị thiệt hại trong vụ Đông xuân vừa qua đã được dự án xem xét, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho bà con tiếp tục tham gia xây dựng các mô hình. Dựa vào các kết quả bước đầu này, các mô hình canh tác lúa có hiệu quả với các đợt tập huấn về thâm canh tổng hợp, bón phân so màu lá lúa, IPM,... đã được hầu hết các hộ nông dân trong cũng như ngoài vùng dự án triển khai rộng rãi.

Mô hình sản xuất lúa hàng hóa đã được áp dụng quy trình thâm canh tổng hợp bao gồm từ khâu chọn giống tốt, áp dụng quy trình quản lý dịch hại tổng hợp IPM, kỹ thuật xạ theo hàng, bón phân theo màu lá lúa bằng bảng so màu lá lúa. Ngoài 20 bảng so màu lá lúa bằng nhựa tổng hợp, cán bộ khoa học của dự án đã phối hợp với các cán bộ nông nghiệp địa phương phát hành trên 1000 bảng so màu lá lúa bằng giấy cứng với giá thành rất thấp có thể sử dụng rộng rãi nên được bà con nông dân rất đồng tình ủng hộ.

3.4.2. mô hình sản xuất lúa giống cấp xác nhận:

Để xây dựng mô hình sản xuất lúa giống cấp xác nhận, dự án đã chuyển giao 2 đợt lúa giống cấp nguyên chủng 709kg (AS 996, OM 1490, OM 2001) cho 10 ha mô hình sản xuất lúa giống cấp xác nhận. Ngay từ vụ Đông xuân 1999-2000, trên 2 ha canh tác theo kỹ thuật sản xuất giống lúa cấp xác nhận theo kỹ thuật canh tác mới đặc biệt là kỹ thuật xạ hàng, bón phân theo bảng so màu lá lúa, phòng trừ sâu bệnh tổng hợp (IPM). Năng suất và chất lượng của các mô hình sản xuất lúa giống cấp xác nhận đã được các chuyên gia của Viện lúa ĐBSCL đánh giá đạt tiêu chuẩn trong hội thảo ngày 7/3/2000.

Từ các mô hình sản xuất lúa giống cấp xác nhận, hàng trăm hộ nông dân đã tự lực được lượng giống lúa rất lớn hàng năm thông qua tự trao đổi thỏa thuận tại chỗ 1kg lúa giống giảm 500đ/kg. Trong vụ Đông xuân 2000-2001 trong vùng dự án đã có 6 ha sản xuất lúa giống cấp xác nhận, đạt năng suất trên 6 tấn/ha và đã tuyển chọn được 36 tấn lúa giống đạt tiêu chuẩn giống cấp xác nhận để cung cấp cho các hộ trong xã. Riêng hộ của Chú Lê Minh là điểm sản xuất điển hình đã được báo Kiên Giang khen ngợi với 3,5 ha chuyên sản xuất lúa xác nhận hoàn toàn áp dụng đúng quy trình kỹ thuật do các chuyên gia của Viện Lúa ĐBSCL tập huấn hướng dẫn. Các hộ mô hình này không những đã giảm được số lượng giống từ 40-50%, chi phí phân bón, thuốc trừ sâu giảm 20-30% mà còn tạo ra được giống lúa đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn quy định. Đại bộ phận bà con nông dân trong vùng dự án, trong toàn xã và nhiều xã khác đến tham quan học tập và áp dụng. Nhiều hộ nông dân đã thấy được hiệu quả của sản xuất lúa giống cấp xác nhận với các biện pháp canh tác tiến bộ nên đã tự nguyện đầu tư mua sắm trang bị hoặc tự nghiên cứu cải tiến các thiết bị xạ hàng do Viện cung cấp mẫu ban đầu (xem báo cáo điển hình của nông dân Lê Minh).

3.4.3. Mô hình VAC:

Ngay từ những tháng đầu dự án triển khai, 30 hộ mô hình VAC đã được chuyển giao 1500 cây giống cây ăn quả gồm 7 chủng loại như xoài cát hòa lộc, nhãn xùồng com vàng, nhãn tiêu da bò, ổi Thái lan, mận hồng đào đá đường, măng cụt,... Hầu hết các hộ đều trồng đúng theo kỹ thuật được dự án tập huấn. Tuy nhiên một số hộ qua kiểm tra cho thấy mật độ trồng, kỹ thuật làm đất lên ụ trồng, và chăm sóc chưa đúng yêu cầu đã được hướng dẫn điều chỉnh. Qua đợt kiểm tra đầu tháng 1 năm 2000 hầu hết các vườn mô hình trồng cây ăn quả đều phát triển tốt. Các loại

cây phát triển thích hợp là xoài cát Hòa Lộc, mận hồng đào đá đường, ổi Thái lan,... Một số cây đã bắt đầu có trái đối với những hộ trồng và chăm sóc đúng kỹ thuật, như hộ anh Nguyễn Văn Đường. Tuy nhiên đáng tiếc là sau đợt lũ lụt trong năm 2000, hầu hết các hộ có trồng cây ăn quả đã bị thiệt hại trên 70%. Ban quản lý dự án đã đề nghị và đã được Bộ KH-CNMT hỗ trợ cung cấp bổ sung 1372 cây các loại trong đó chủ yếu là xoài cát Hòa Lộc.

- Đối với nhiệm vụ củng cố và phát triển chăn nuôi, 29 con heo nái giống ngoại lai giống địa phương, qua thực tế thích hợp với điều kiện chăn nuôi địa phương, đã được cung cấp cho 29 nông dân. Mỗi con giống trung bình từ 18-20 kg. Ngoài việc tập huấn quy trình kỹ thuật nuôi heo thịt, heo nái, dự án còn cử cán bộ chuyên môn thường xuyên theo dõi chăm sóc phát hiện các trường hợp dịch bệnh, cung cấp các loại thuốc thú y thiết yếu đặc biệt cho giai đoạn heo nái chuẩn bị đẻ và sau khi đẻ. Tính đến tháng 3 năm 2001 đã đẻ được 82 con heo con giống, xuất chuồng được 92 con heo thịt, 22 con heo giống. Bên cạnh đầu tư trực tiếp giống heo, dự án còn đầu tư một số tiền mặt để các hộ tự mua giống gà vịt và cá để nuôi trong vườn nhà. Nhiều hộ mô hình thực hiện tốt kế hoạch do dự án tổ chức, điển hình nhất là hộ VACR toàn diện của Nguyễn Việt Đường, hộ VAC Lục Ngưng.

- Đối với mô hình rau xanh và cây thuốc nam, dự án đã chuyển giao cho 100 hộ nông dân 7 chủng loại rau xanh để trồng cho 100 vườn rau xanh tự túc, đại bộ phận các hộ trong vùng dự án đều có trồng rau xanh tự túc từ nguồn giống do dự án cung cấp đã thực hiện đúng theo kỹ thuật đã được tập huấn. Trong vùng dự án đã có được tập quán trồng rau xanh sạch tự túc gia đình, điển hình nhất là hộ anh Lục Ngưng, ... Bên cạnh đó, dự án cũng đã chuyển giao trên 1000 cây giống Thuốc nam với 30 chủng loại để xây dựng các mô hình vườn cây Thuốc nam cho 2 Chùa và một số hộ nông dân. Các mô hình này đã bị thiệt hại nặng trong đợt lũ lụt năm 2000 đến nay vẫn chưa có điều kiện phục hồi nhưng cũng tạo được cho người nông dân ý thức về việc trồng và tự chữa các bệnh thông thường bằng các bài thuốc nam thông dụng đã được tập huấn. Đây là mô hình mới đối với bà con nông dân nên bước đầu chưa phát triển tốt, cần tiếp tục uốn nắn và đầu tư sâu hơn trong thời gian tới.

Cùng với các loại cây giống trên, một số các loại thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học (thảo mộc, vi sinh như Bt, rotenone,...) cũng đã được chuyển giao cho một số hộ nông dân trực tiếp thực hiện mô hình nhằm góp phần từng bước giảm dần sử dụng các loại thuốc hóa học độc hại cho một số rau màu.

Để hoàn thiện mô hình VAC, Ban quản lý dự án đã phối hợp với Trung tâm khuyến nông tỉnh Kiên Giang và các chuyên gia Viện Sinh học Nhiệt đới- Trung tâm KHTN và CNQG xây dựng và chuyển giao quy trình kỹ thuật biogaz làm chất đốt, quy trình kỹ thuật xử lý các nguồn phế thải trong trồng trọt và chăn nuôi như rơm rạ, phân gia súc gia cầm thành các nguồn chất hữu cơ có hàm lượng dinh dưỡng cao vừa tránh được tập quán đốt đồng vừa giảm ô nhiễm môi trường và tạo được nguồn phân bón hữu cơ cải thiện được độ mùn cho đất. Đến nay đã xây dựng được 5-7 mô hình sử dụng khí sinh học và phân bón hữu cơ từ phân rơm rạ và phân gia súc, gia cầm. Phòng trào này có xu hướng ngày càng mở rộng.

3.4.4. Mô hình thủy lợi nội đồng:

Trước vụ Đông xuân 1999-2000, dự án đã đầu tư trên 20 triệu đồng để lắp đặt 2 trạm bơm dầu công suất 12CV ở hai kênh ông Tạo và rạch ông Tỷ giao cho 2 tổ sản xuất gồm 6 nông dân chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng. Hai trạm bơm đã đi vào hoạt động từ giữa tháng 11/99 đã góp phần tiêu nước kịp thời và rất hiệu quả cho 200 ha vùng trọng điểm của dự án ấp An hòa kịp xuống giống vụ Đông xuân 99. Tổng thu của hai trạm bơm chỉ trong vụ Đông xuân này đã lên đến trên 30 triệu

đồng, trong đó chi phí nhiên liệu và khấu hao thiết bị không quá 30%. Như vậy chỉ trong một vụ đã thu hồi được 95 % số vốn đầu tư cố định ban đầu... Từ kết quả đó dự án đã quyết định đầu tư thêm một trạm bơm thứ ba để khép kín quy trình tưới tiêu cho 200 ha vùng trọng điểm dự án trong ấp An Hòa. Đến nay cả ba trạm bơm đầu hoạt động rất tốt góp phần tích cực cho sản xuất trong vùng dự án là mô hình rất được bà con nông đồng tình ủng hộ và được các cấp lãnh đạo quan tâm chỉ đạo sẽ được nhân rộng trong thời gian tới.

3.4.5. Mô hình nước sạch và vệ sinh môi trường.

- Phòng Quản lý môi trường đã phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyển giao hướng dẫn tập huấn quy trình kỹ thuật xử lý nước sạch cho các cán bộ và nông dân, xây dựng hai cụm nhà vệ sinh kiểu mẫu với cầu tiêu máy, hai bồn chứa nước mưa bằng inox dung tích 2000 lít, 8 bình lọc nước cho hai điểm trường. Đặc biệt là đã lắp đặt một hệ thống lọc nước phen công suất 2000 lít/ngày và bình lọc nước cho hộ dân làm thí điểm trong vùng dự án. Mô hình khí sinh học và xử lý rơm rạ làm phân bón hữu cơ và chất đốt cũng là trong các giải pháp bảo vệ môi trường nâng cao đời sống cho người nông dân trong vùng dự án.

3.5. Về kết quả khôi phục một số mô hình bị thiệt hại do lũ lụt năm 2000.

Sau đợt lũ kéo dài nhiều tháng trong năm 2000, các mô hình đã được xây dựng trong vùng dự án đã bị thiệt hại khá nặng nề nhất là các mô hình đề bao chống lũ cục bộ, mô hình trồng cây ăn quả, chăn nuôi gia súc gia cầm và nuôi trồng thủy sản. Sở KH-CN-MT và Ban chỉ đạo dự án đã kịp thời báo cáo tỉnh ủy, UBND tỉnh Kiên Giang và Bộ KH-CN và MT và đã được Bộ KH-CN-MT hỗ trợ 150 triệu đồng nhằm hỗ trợ cho Ban chỉ đạo dự án khắc phục thiệt hại cho bà con nông dân trong vùng dự án. Ban chỉ đạo dự án đã tổ chức khảo sát lại các thiệt hại cụ thể của từng nông hộ, thảo luận với các cấp các ngành liên quan thống nhất các nội dung và giải pháp đầu tư. Trên cơ sở đó tiếp tục giao cho cơ quan chuyển giao thực hiện. Tính đến ngày 30/11/2001, qua kết quả kiểm tra nghiệm thu của Hội đồng kiểm tra tỉnh Kiên Giang, các cấp các ngành của huyện xã cho thấy hầu hết các thiệt hại do lũ lụt trong năm 2000 đã được khắc phục tới, cụ thể là:

3.5.1. Đối 30 hộ mô hình VAC của dự án (cũ), các nguồn VTKT và cây con giống cũng như tiền mặt đã được sử dụng đúng mục đích và hiệu quả. Cụ thể là:

- Đã cấp bổ sung 599 cây ăn quả các loại gồm xoài cát hòa lộc, ổi Thái lan, mận Thái lan;

- Đào đắp 4.800 m³ bờ bao chung của vùng dự án, 1.650 m³ bờ bao của 10 hộ liền kề liên cư bị sạt lở nặng; hỗ trợ trên 10 triệu đồng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.

Tuy nhiên một số hộ do chuồng trại và các điều kiện chăn nuôi không đảm bảo nên Ban Chỉ Đạo dự án thống nhất với chính quyền địa phương không đầu tư ngay heo và gà vịt giống, số tiền đầu tư này sẽ được giữ lại tại Ngân hàng NN & PTNT huyện Gò Quao cho đến khi nào các hộ này có đủ điều kiện sản xuất mới giải ngân.

3.5.2. Đối với các nội dung đầu tư mới:

- Đã đầu tư mới 13 hộ nông dân xây dựng mô hình VAC cá thể:

+ Dự án đã đầu tư kinh phí đào đắp bờ bao liên hộ, nạo vét cải tạo kênh mương với khối lượng 1392 m³ bờ bao.

+ Chuyển giao cho 13 hộ 251 cây ăn quả như xoài cát hoà lộc, mận, sa bô,...

+ Đã lắp đặt và đưa vào sử dụng có hiệu quả 5 mô hình sử dụng khí sinh học từ nguồn phân chuồng nuôi gia súc gia cầm.

+ Mỗi hộ được đầu tư thêm kinh phí từ 1,5-2 triệu đồng thông qua Ngân hàng để nuôi gia súc gia cầm và tôm cá trong ruộng vườn.

+ Có hai hộ được chọn làm mô hình nuôi tôm càng xanh bao gồm kinh phí cải tạo ao ruộng hai ha và 12.000 con tôm giống.

+ Đã tổ chức hai đợt tập huấn chuyển giao quy trình kỹ thuật để tôm càng xanh tại Cần Thơ do các chuyên gia của Trường ĐH Cần Thơ giảng dạy gồm 9 học viên, trong đó có một học viên về triển khai xây dựng thành công trại để tôm giống quy mô 2.000.000 con giống /năm. Hộ nông dân này đã được mời báo cáo điển hình tại Hội Nông nghiệp Quốc tế tại Cần Thơ năm 2001. Mô hình này đã được nhiều đơn vị cơ quan trong ngoài tỉnh tham quan học tập.

3.5.3. Xây mới hai mô hình VAC tập thể:

- Mô hình VAC tập thể huyện đội:

+ Đã được cấp 180 cây giống cây ăn quả gồm xoài mận, bưởi, vú sữa,...

+ Đã đầu tư kinh phí nạo vét cải tạo ao ruộng với khối lượng 640 m³ đất.

+ Cấp hỗ trợ trên 1,9 triệu đồng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.

+ Đầu tư tiền mặt 5 triệu đồng thông qua Ngân hàng NN và PTNT để nuôi heo và tôm cá. Đơn vị đã tự bỏ vốn nuôi 4 con heo nái và 15 kg cá giống các loại.

- Trại Rạch Tia của Phòng NN và PTNT:

+ Đã nhận đầu tư 360 cây ăn quả gồm: xoài cát Hòa Lộc, sầu riêng, sa pô, bưởi, chanh không hạt,...

+ Kinh phí đào đắp, cải tạo ao ruộng 380 m³.

+ Đã được đào tạo hai cán bộ kỹ thuật nhân giống tôm càng xanh.

+ Chuyển giao một số thiết bị dụng cụ phục vụ quy trình kỹ thuật ép dế và ương cá giống.

Tính đến ngày 30/12/2002, Trại đã bắt đầu đi vào hoạt động, đã được đầu tư trực tiếp trên 20 triệu đồng tiền mặt, trong đó có 14 triệu đồng thông qua Ngân hàng NN & PTNT Gò Quao, số lượng cá giống đã được ương và xuất bán trong đợt đầu tiên trong tháng 01/ năm 2002 là 23 kg cá giống các loại gồm Tai tượng, rô phi, cá chép,...

Nhìn chung các thiết bị còn lữ kéo dài trong giữa năm 2000 không những đã được khắc phục mà còn được đầu tư xây dựng mới thêm 13 hộ mô hình cá thể, hai mô hình VAC tập thể tất cả đều được tổ chức triển khai mặc dù có chậm nhưng đều đúng nội dung yêu cầu và đều phát huy hiệu quả tốt.

3.6. Tình hình phát triển sản xuất của vùng dự án và toàn xã Định An sau 22 tháng thực hiện dự án.

Mục tiêu của dự án là xây dựng được các mô hình sản xuất có hiệu quả để nhân rộng ra trong toàn vùng dự án và toàn xã. Tuy thời gian chưa đầy 2 năm, các mô hình vừa xây dựng được không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế cho chính các hộ nông dân trực tiếp thực hiện mô hình mà thật sự đã góp phần tác động rất tích cực lên sự phát triển sản xuất của toàn xã Định An và ấp An Hòa. Cụ thể là:

Bảng 2. Một số chỉ tiêu sản xuất toàn xã thay đổi sau 22 tháng thực hiện dự án:

ST T	Sản phẩm	ĐV T	Trước khi thực hiện dự án(8/1999)	Hiện nay 6/2001
1.	Lúa hàng hóa			

	- Diện tích	ha	2.137	2.480
	- Sản lượng	T	18.870	25.106
	- Năng suất	T/ha	4,20-4,38	4,56
	- Giống		IR56381, IR5004, AS996, IR1723, IR56279, OM2301, 2041, OM1490, OM2385	
	- Mô hình lúa cá	Ha	0	3-5
2	Lúa xác nhận			
	- Diện tích	ha	Chưa có	6-10/vụ
	- Sản lượng	T		50-70
	- Năng suất	T/ha	-	6-7
	- Giống		-	AS996, OMCS2000, OMCS2001,...
3	Chăn nuôi GSGC			
	- Heo	con	2.650	6.800
	- Gà, vịt	-	15.620	6.750
	- Thủy sản	Ha	Không đáng kể	2-3ha
4.	Cây ăn quả			
	- Diện tích	ha	14	130
	- Chung loại		3-5	7-10 chất lượng cao

Bảng 3. Một số chỉ tiêu sản xuất trong ấp An hòa sau 22 tháng thực hiện dự án.

ST T	Sản phẩm	ĐV T	Trước khi thực hiện dự án 8/1999	Hiện nay 6/2001
1.	Lúa hàng hóa			
	- Diện tích	ha	132	139
	- Sản lượng	T	495	695
	- Năng suất	T/ha	3,75	5
2	Lúa xác nhận			
	- Diện tích	ha	0	6-10
	- Sản lượng	T	0	45-50
	- Năng suất	T/ha	0	5-6
3	Chăn nuôi GSGC			
	- Heo	con	2.650	6.800
	- Gà	-	15.620	6.750
	- Vịt	-		
4.	Cây ăn quả	ha	0	3-5

Ngoài ra, các mô hình sản xuất của dự án còn tác động rất có ý nghĩa lên một số lĩnh vực sản xuất của toàn huyện không chỉ trong lĩnh vực cây lúa mà còn cả trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản mà điển hình là chuyển giao quy trình kỹ thuật và xây dựng được một trại nhân giống và nuôi tôm càng xanh quy mô 1,5-2 triệu con giống/năm.

3.7. Về tài chính:

Căn cứ hợp đồng số 30/1998/HDDANTMN, ngày 15/11/98 giữa Bộ KH, CN & MT và Sở KH, CN & MT Kiên Giang, v/v đầu tư thực hiện dự án: **Ứng dụng TBKT cải thiện giống lúa và xây dựng một số mô hình đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp tại xã Định an, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang** - Thực hiện hợp đồng số 09/HĐ-DANTMN ngày 17/06/1999 giữa Sở KH, CN & MT tỉnh Kiên Giang và Viện Lúa Lúa ĐBSCL, Sở KH, CN và MT tỉnh Kiên Giang chuyển kinh phí đợt I cho Viện ĐBSCL 300 triệu đồng.

Thực hiện thông tư số 57/1999/TTLB/BTC-BKHCNMT ngày 14/5/1999 v/v hướng dẫn quản lý tài chính chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng KH-CN phục vụ phát triển KT-XH nông thôn và miền núi giai đoạn 1998-2002, Viện lúa ĐBSCL đã thanh quyết toán số kinh phí đã nhận đợt I đợt II với Sở KH, CN & MT, gồm các Thuê khoán chuyên môn, Nguyên vật liệu và năng lượng, Máy móc thiết bị, Xây dựng sửa nhỏ và quản lý dự án.

Đơn vị chuyển giao dưới sự hướng dẫn, và giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan tiến hành các thủ tục thanh quyết toán đúng theo quy định của tỉnh và TW. Hầu hết các khoản mục chi đều đúng theo nội dung mục đích và các yêu cầu về mặt quản lý tài chính Nhà nước quy định và đã phát huy hiệu quả cao.

Tuy nhiên do tình hình thiên tai lũ lụt trong năm 2000, hầu hết các hộ dân đều chưa thu hồi vốn tiền mặt do dự án đầu tư qua Ngân hàng đã làm hạn chế quá trình nhân rộng các mô hình.

4. MỘT SỐ THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN:

4.1- Các thuận lợi ưu điểm cần phát huy: Sở dĩ các nội dung dự án được tổ chức triển khai thuận lợi và đạt kết quả tốt bước đầu là do các nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Các mục tiêu và nội dung dự án đề ra đã được nghiên cứu xác thực với phương hướng kế hoạch chủ trương biện pháp phát triển KTXH của Đảng và chính quyền địa phương, phù hợp thực tế của vùng dự án và đáp ứng được nguyện vọng của đại đa số bà con nông dân.

- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng, tranh thủ được sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và sự đồng tình ủng hộ và tham gia của bà con nông dân. Đặc biệt là sự phối hợp đồng bộ giữa cơ quan trực tiếp chuyển giao khoa học kỹ thuật với cơ quản lý từ TW đến địa phương.

- Kế hoạch và phương thức tổ chức triển khai được nghiên cứu và thảo luận kỹ vừa phù hợp với chủ trương chính sách chung vừa tháo gỡ được những khó khăn trong thực tế cho người nông dân. Đặc biệt các nội dung dự án được thể hiện cụ thể thông qua các hợp đồng trực tiếp với nông dân. Các nông dân trực tiếp thực hiện các mô hình được chính quyền các cấp, các tổ chức đoàn thể phối hợp với Ban chỉ đạo dự án chọn lựa đúng đối tượng. Các loại vật tư kỹ thuật và tiền mặt được đầu tư trực tiếp cho các hộ nông dân và được nông dân sử dụng đúng mục đích và đều thông qua các hợp đồng cụ thể...

- Các lớp tập huấn được tổ chức phù hợp với yêu cầu và trình độ tiếp thu của nông dân. Cán bộ khoa học - giáo viên và các chuyên gia đến giảng dạy và học máy điều hành tổ chức thực hiện dự án hầu hết là các nhà khoa học có trình độ đại học và trên đại học đã trải qua nhiều năm kinh nghiệm trong nghiệp vụ hoặc tình hình thực tế của địa phương.

4.2- Các thiếu sót và tồn tại cần khắc phục:

- Do nhiều lý do khách quan, dự án được xét duyệt và thẩm định quá chậm so với dự kiến ban đầu nên một số nội dung dự án không được triển khai kịp theo kế hoạch được TW duyệt.

- Một số ít cán bộ và nông dân chưa thực sự hiểu rõ tầm quan trọng, mục tiêu nội dung và ý nghĩa của dự án nên chưa thể hiện đúng trách nhiệm và đồng tình hỗ trợ tổ chức triển khai thực hiện. Một số còn trông chờ ý lại nguồn VTKT và vốn tiền mặt do dự án đầu tư đặc biệt là không thực hiện nghiêm túc thu hồi vốn tiền mặt do dự án đầu tư qua ngân hàng đầu tư.

- Sự phối hợp giữa các ban ngành chức năng trong Ban chỉ đạo chưa thực chặt chẽ nên chưa phát huy hết sức mạnh tổng hợp nhằm hỗ trợ cho nông dân thực hiện các mô hình.

5. KẾT LUẬN

Dự án "*Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cải thiện giống lúa và xây dựng một số mô hình đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp tại xã Định An-huyện Gò Quao-Tỉnh Kiên Giang*", do Bộ KH, CN & MT quản lý và tài trợ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học của TW so với các dự án khác (do Viện lúa nghiên cứu xây dựng và đang thực hiện ở một số tỉnh ĐBSCL) thì được xây dựng rất sớm từ năm 1996 nhưng lại được triển khai rất chậm; đến tháng 8/1999 mới nhận được nguồn kinh phí và tháng 9/1999 mới tổ chức hội nghị triển khai. Như vậy các kết quả vừa được báo cáo trên mới chỉ được thực hiện trong thời gian hơn 22 tháng. Do đó chúng tôi nhận thức rằng các kết quả trên đây chỉ là những kết quả bước đầu, cần phải được tiếp tục thực hiện tích cực khẩn trương mới có thể khẳng định được hiệu quả đích thực của chúng.

Đề nghị các cơ quan chức năng liên quan TW và địa phương tiếp tục quan tâm giúp đỡ hỗ trợ, chỉ đạo cho địa phương và cơ quan chuyển giao nhằm phân rộng các mô hình đã được xây dựng phát triển bền vững ổn định, bền vững và có khả năng nhân rộng mà dự án đã và sẽ đạt được - Bởi vì chỉ có những mô hình ổn định, bền vững và có khả năng nhân rộng như thế mới có thể làm nền tảng cho vùng dự án tiếp tục xây dựng phát triển sau khi dự án kết thúc./.